

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Từ Anh Tuấn và ông Phan Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 159/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Lan T, sinh năm 1996; thường trú: số B, chung cư T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nơi ở hiện nay: số E, đường D, khu dân cư P, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* anh Lương Đức T1, sinh năm 1994; thường trú: số B, chung cư T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; tạm trú: số E, đường D, khu dân cư P, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: sau thời gian tìm hiểu, chị Nguyễn Thị Lan T và anh Lương Đức T1 tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 02/7/2019. Việc kết hôn của chị T và anh T1 là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính tình, thường

xuyên cãi vã, không thể chia sẻ được với nhau. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay, chị Nguyễn Thị Lan T xác định không còn tình cảm với anh Lương Đức T1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Lương Tấn L, sinh ngày 27/8/2020. Sau ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Lan T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 30/5/2025, bị đơn anh Lương Đức T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T1 và chị T tự nguyện yêu nhau, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 121 ngày 02/7/2019 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng nên không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Vì vậy, anh T1 đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lương Tấn L, sinh ngày 27/8/2020. Sau khi ly hôn, chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Lan T khởi kiện anh Lương Đức T1 yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại số E, đường D, khu dân cư P, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Lan T và anh Lương Đức T1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Lan T và anh Lương Đức T1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương vào ngày 02/7/2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị T và anh T1 xác định trong cuộc sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không thể chia sẻ được với nhau. Chị T và anh T1 đều đồng ý ly hôn, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lương Tấn L, sinh ngày 27/8/2020. Anh chị đều thống nhất, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Sự thỏa thuận của anh chị phù hợp Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về cấp dưỡng: chị Nguyễn Thị Lan T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Lan T và anh Lương Tấn T2 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lan T. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Lan T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Trần Văn T3 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan T về việc ly hôn với bị đơn anh Lương Đức T1.

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Lan T được ly hôn với anh Lương Đức T1 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 do Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/7/2019).

Về con chung: anh Lương Đức T1 giao con chung tên Lương Tấn L, sinh ngày 27/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Lan T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Lan T và anh Lương Đức T1 có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Nguyễn Thị Lan T và anh Lương Đức T1 không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Lan T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008023 ngày 03/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị H